

Số: /2026/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Quy định về địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách áp dụng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

2. Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đáp ứng điều kiện được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh, học viên là đối tượng được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày

1. Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày là thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã khu vực II; xã khu vực I được quy định tại Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).

2. Quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày được quy định (theo phụ lục I đính kèm).

3. Quy định khoảng cách từ nhà ở với bố, hoặc mẹ, hoặc người giám hộ thường trú tại địa bàn được xác định tại khoản 1 Điều này đến trường (hoặc điểm trường) để làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày:

a) Đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 4km trở lên đối với học sinh tiểu học và 7km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

b) Đối với học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông là 10km trở lên.

c) Đối với học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên là 7km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và 10km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

4. Quy định khoảng cách từ nhà ở với bố, hoặc mẹ, hoặc người giám hộ thường trú tại địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá được xác định tại khoản 2 Điều này đến trường (hoặc điểm trường) để làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về trong ngày, quy định được quy định (theo phụ lục I đính kèm).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 của Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Chánh, PCVP UBND thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**